

Năng suất các yếu tố tổng hợp và tăng trưởng kinh tế: Nghiên cứu cho trường hợp tỉnh Khánh Hòa

ĐẶNG NGUYỄN DUY

Công ty cổ phần Điện lực Khánh Hòa - dnguyenduy@yahoo.com

LÊ KIM LONG

Trường Đại học Nha Trang - lekimlong@gmail.com

Ngày nhận:

08/05/2014

Ngày nhận lại:

04/05/2015

Ngày duyệt đăng:

15/09/2015

Mã số:

0514-O-08

Tóm tắt

Nghiên cứu năng suất các yếu tố tổng hợp, một chỉ tiêu phản ánh mức độ đổi mới công nghệ, hợp lý hóa sản xuất, cải tiến quản lý, nâng cao trình độ lao động đến tăng trưởng kinh tế của địa phương có vai trò quan trọng để gợi ý các giải pháp phát triển bền vững kinh tế tỉnh Khánh Hòa trong tương lai. Dùng phương pháp hồi quy theo hàm sản xuất Cobb-Douglas gồm hai yếu tố đầu vào là vốn, lao động và yếu tố đầu ra là tổng sản phẩm nội địa của tỉnh Khánh Hòa để đánh giá năng suất các yếu tố tổng hợp và ảnh hưởng, đóng góp của vốn, lao động. Vốn được ước lượng từ vốn đầu tư hằng năm bằng phương pháp tích lũy vốn đầu tư hằng năm với tỉ lệ khấu hao 5%. Kết quả cho thấy năng suất các yếu tố tổng hợp đóng góp khá khiêm tốn và có xu hướng giảm; yếu tố vốn đóng góp chủ yếu; yếu tố lao động đóng góp lớn nhưng không đều vào tăng trưởng kinh tế tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 1996–2012.

Từ khóa:

Phát triển bền vững, tăng trưởng kinh tế, năng suất các yếu tố tổng hợp, Khánh Hòa.

Keywords:

Sustainable development, economic growth, TFP, Khanh Hoa.

Abstract

This study, employing the Cobb–Douglas production function with inputs (capital and labor) and output (provincial GDP), is conducted to evaluate the effects of total factor productivity (TFP) as well as the labor and capital on Khanh Hoa's economic growth over the period of 1996–2012. The outcomes suggest that the TFP's influence is relatively weak and is in a decreasing trend. While the capital factor, estimated via annual capital investment with a depreciation rate of 5%, is found to make major contributions, a high yet unstable impact is exerted by the labor on the growth of the local economy.

1. Giới thiệu

Năng suất các yếu tố tổng hợp (TFP) là chỉ tiêu phản ánh kết quả sản xuất mang lại do nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và lao động, nhờ vào tác động của các nhân tố đổi mới công nghệ, hợp lý hóa sản xuất, cải tiến quản lý, nâng cao trình độ lao động... Chỉ tiêu tốc độ tăng TFP phản ánh toàn diện chiều sâu của quá trình sản xuất, kinh doanh. Chỉ có tăng trưởng kinh tế nhờ vào tăng TFP mới là sự tăng trưởng có tính chất bền vững và ổn định. Nhận thức được tầm quan trọng của TFP, nhiều nhà kinh tế đã quan tâm nghiên cứu chỉ tiêu này cho các tỉnh trong nước như Hưng Yên, Huế, Đà Nẵng, Cần Thơ, v.v.. Tuy nhiên, mỗi tỉnh có những đặc thù kinh tế riêng và mỗi nghiên cứu sử dụng phương pháp, dữ liệu khác nhau nên cho ra kết quả khác nhau. Đối với tỉnh Khánh Hòa, nơi nông nghiệp chiếm vai trò nhỏ và dịch vụ đóng vai trò lớn. Đặc trưng riêng về địa lý có bờ biển dài và nhiều vịnh thuận lợi việc đầu tư và thu hút đầu tư các lĩnh vực dịch vụ và khai thác biển. Do đó, nghiên cứu TFP của tỉnh Khánh Hòa để đánh giá chất lượng tăng trưởng là cần thiết. Hiện nay, chưa có nghiên cứu nào về vấn đề này cho tỉnh Khánh Hòa nên tác giả chọn nghiên cứu này nhằm đánh giá chất lượng tăng trưởng và gợi ý các giải pháp phát triển bền vững kinh tế tỉnh Khánh Hòa trong tương lai.

2. Cơ sở lý thuyết và các nghiên cứu trước

2.1. Cơ sở lý thuyết

Khái niệm về TFP

Tổng sản phẩm nội địa (GDP) của mỗi quốc gia hay mỗi địa phương được tạo ra bởi các đơn vị sản xuất kinh doanh (DMU – Decision Making Units), mà tiêu biểu là các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh, tiểu thủ công nghiệp, hộ sản xuất. Tăng trưởng kinh tế đơn giản được xem là sự gia tăng của GDP, hay sự gia tăng số lượng các đơn vị sản xuất kinh doanh cũng như số lượng và chất lượng các sản phẩm đầu ra của mỗi đơn vị sản xuất theo thời gian. Do đó, GDP của tỉnh phản ánh đầu ra các DMU của tỉnh. Việc gia tăng đầu ra không chỉ phụ thuộc vào việc tăng thêm số lượng đầu vào mà còn phụ thuộc vào cả chất lượng, hiệu quả sử dụng các yếu tố đầu vào là vốn và lao động. Cùng với lượng đầu vào như nhau, số lượng đầu ra có thể lớn hơn nhờ vào việc cải tiến chất lượng lao động, vốn và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực này. Điều đó được phản ánh qua chỉ tiêu năng suất các yếu tố tổng hợp (TFP). Đối với một doanh

nghiệp, TFP là yếu tố then chốt quyết định khả năng cạnh tranh và sự tồn tại lâu dài, là cơ sở để nâng cao thu nhập, tạo môi trường và điều kiện làm việc tốt cho người lao động. Đối với tỉnh, TFP giúp nâng cao chất lượng tăng trưởng kinh tế thông qua sử dụng một cách hiệu quả các yếu tố đầu vào là vốn và lao động để gia tăng kết quả đầu ra.

Như vậy, TFP phản ánh sự đóng góp của các yếu tố vô hình như kiến thức, kinh nghiệm, kỹ năng lao động, cơ cấu lại nền kinh tế hay hàng hóa-dịch vụ, chất lượng vốn đầu tư mà chủ yếu là chất lượng thiết bị công nghệ và kỹ năng quản lí. Tác động của nó không trực tiếp như các năng suất bộ phận mà phải thông qua sự biến đổi của các yếu tố hữu hình, đặc biệt là lao động và vốn (Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế trung ương, 2010).

Các yếu tố ảnh hưởng đến TFP

Theo báo cáo nghiên cứu chỉ tiêu năng suất VN 2006–2007 của Trung tâm năng suất VN - Viện nghiên cứu quản lý kinh tế trung ương (2010), các yếu tố chiến lược tác động tới tăng trưởng TFP gồm các yếu tố cụ thể sau:

Giáo dục và đào tạo: Đầu tư vào nguồn nhân lực làm tăng năng suất lao động. Những công nhân được đào tạo tốt sẽ làm việc năng suất hơn, tạo ra nhiều sản phẩm và dịch vụ có chất lượng hơn. Đó là lực lượng chủ đạo trong tăng trưởng TFP.

Cơ cấu vốn: Trong thị trường toàn cầu hiện nay, sự cạnh tranh dựa trên việc tạo ra những sản phẩm có chất lượng cao với giá cả hợp lí. Để có được lợi thế cạnh tranh, các ngành công nghiệp cần cải tiến và trang bị cho các quá trình sản xuất các công nghệ mới. Đầu tư vào máy móc và thiết bị hiện đại sẽ làm giảm chi phí sản xuất và làm tăng TFP.

Cơ cấu lại kinh tế: Cơ cấu lại nền kinh tế là việc chuyển các nguồn lực từ các ngành và thành phần kinh tế có năng suất thấp sang ngành và thành phần kinh tế có năng suất cao. Việc phân bổ lại các nguồn lực để có được các ngành và thành phần kinh tế có năng suất cao hơn sẽ dẫn đến sử dụng có hiệu quả các nguồn lực và dẫn đến TFP tăng cao.

Tăng nhu cầu: Việc tăng nhu cầu trong nước và nước ngoài đối với sản phẩm và dịch vụ sẽ dẫn đến tỉ lệ sử dụng sản phẩm tiềm năng cao hơn. Từ đó kích thích sản xuất và sáng tạo.

Tiến bộ công nghệ: Điều này chỉ ra tính hiệu lực và việc sử dụng hiệu quả công nghệ thích hợp, sự đổi mới, nghiên cứu và triển khai, thái độ làm việc tích cực, hệ thống quản lý và tổ chức tốt, quản lý chuỗi cung ứng và sử dụng các phương pháp thực hành tốt nhất. Với trình độ công nghệ cao, người lao động được khuyến khích cùng với hệ thống quản lý hiệu quả, nền kinh tế sẽ có khả năng sản xuất ra hàng hóa và dịch vụ có giá trị cao hơn. Tính sáng tạo, sự đổi mới và tư duy năng suất sẽ định hướng nhằm tăng TFP và duy trì tính cạnh tranh.

Do đó, để nâng cao TFP đòi hỏi sự đầu tư mạnh và liên tục vào các yếu tố chiến lược trên, đặc biệt là các yếu tố có tác động mạnh đến TFP như: Tiến bộ công nghệ và giáo dục - đào tạo.

2.2. Một số nghiên cứu trước

Năng suất các yếu tố tổng hợp được đề cập nhiều trên các phương tiện thông tin đại chúng và các văn kiện của chính phủ. Cụ thể, chỉ tiêu này được đề cập trong mục tiêu của các chương trình, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia hay địa phương. Vì TFP là chỉ tiêu phản ánh sự phát triển kinh tế xã hội của quốc gia, địa phương và của các doanh nghiệp nên được nhiều nhà kinh tế quan tâm nghiên cứu. Tuy nhiên, do sử dụng các phương pháp khác nhau nên các kết quả phân tích khác nhau, cụ thể như sau:

Phan Nguyễn Khánh Long (2012) đánh giá tăng trưởng kinh tế của tỉnh Thừa Thiên-Huế dưới góc độ năng suất các nhân tố sản xuất bằng phương pháp hàm sản xuất Cobb-Douglas với hai yếu tố đầu vào là vốn và lao động. Kết quả, nếu vốn tăng 1% thì GDP sẽ tăng 0,474%, nếu lao động tăng 1% thì GDP tăng 0,526%. Mặc dù hệ số đóng góp của vốn thấp hơn của lao động nhưng tỉ phần đóng góp của vốn vào tăng trưởng lại rất cao. Điều đó cho thấy tăng trưởng của Thừa Thiên-Huế chủ yếu dựa vào vốn đầu tư. Hạn chế của nghiên cứu này là sử dụng chuỗi dữ liệu trong 10 năm nên kết quả có thể bị thiếu sót.

Đặng Hoàng Thống & Võ Thành Danh (2011) phân tích các yếu tố tác động đến tăng trưởng của TP. Cần Thơ dựa trên cách tiếp cận tổng năng suất các yếu tố. Bằng cách sử dụng phương pháp hồi quy để xác định tỉ phần đóng góp của vốn và lao động. Kết quả cho thấy yếu tố vốn đóng góp chủ yếu, lao động và TFP đóng góp rất ít vào tăng trưởng GDP của TP. Cần Thơ. Hạn chế của nghiên cứu này là sử dụng kết quả có sẵn về tỉ phần thu nhập của vốn ở VN từ nghiên cứu của Trần Thọ Đạt (2005) để áp

dụng cho TP. Cần Thơ. Do đó, có thể ảnh hưởng đến độ chính xác của số liệu tính toán.

Nguyễn Quang Hiệp (2013) sử dụng hàm sản xuất Cobb-Douglas đánh giá các nguồn tăng trưởng kinh tế của tỉnh Hưng Yên. Kết quả tính toán cho thấy động lực chính trong tăng trưởng GDP của tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2005–2012 là yếu tố vốn; trong khi đó, đóng góp của lao động khá thấp, còn TFP thì không có đóng góp giai đoạn 2005–2009. Tuy nhiên, đóng góp của TFP được cải thiện từ năm 2010. Do dữ liệu sử dụng của mô hình hồi quy chỉ có 8 năm nên kết luận chưa thực sự đáng tin cậy.

3. Dữ liệu và phương pháp nghiên cứu

3.1. Phương pháp nghiên cứu

Áp dụng hàm sản xuất đơn giản Cobb-Douglas để xem xét mối quan hệ giữa tăng trưởng và các yếu tố ảnh hưởng. Hàm sản xuất biểu thị giá trị GDP tỉnh Khánh Hòa phụ thuộc vào số lượng lao động, trữ lượng vốn và TFP. TFP không được đo trực tiếp mà sẽ gián tiếp.

Hàm sản xuất có dạng : $Y = AL^{\alpha}K^{\beta}$ (1)

Trong đó :

Y: GDP tỉnh Khánh Hòa

K: Trữ lượng vốn của tỉnh

L: Số lượng lao động

A: Hệ số tăng trưởng công nghệ; còn gọi là năng suất các yếu tố tổng hợp (TFP: Total Factor Productivity).

α và β là các hệ số co giãn theo sản lượng lần lượt của lao động và vốn của tỉnh Khánh Hòa; chúng cố định và do công nghệ quyết định.

Nếu: $\alpha + \beta = 1$, thì hàm sản xuất phản ánh hiệu suất không đổi theo quy mô.

Nếu: $\alpha + \beta < 1$, thì hàm sản xuất phản ánh hiệu suất giảm theo quy mô.

Còn nếu: $\alpha + \beta > 1$, thì hàm sản xuất phản ánh hiệu suất tăng theo quy mô.

Trong trường hợp thị trường (hay nền kinh tế) ở trạng thái cạnh tranh hoàn hảo, α và β có thể xem là tỉ lệ đóng góp của lao động và vốn vào sản lượng.

Từ phương trình (1), lấy Logarith hai vế, ta có phương trình tương đương:

$$\ln Y = \ln A + \alpha \ln L + \beta \ln K \quad (2)$$

Sử dụng phương pháp bình phương bé nhất (OLS – Ordinary Least Square) trong kinh tế lượng để ước lượng α, β

Mô hình ước lượng có dạng Logarith – tuyến tính:

$$\ln Y_i = \ln A_i + \alpha \ln L_i + \beta \ln K_i + u_i \quad (3)$$

i : Số quan sát từ 1 tới k

u : Phần dư

Đặt T_{FP} là biến đại diện cho năng suất các yếu tố tổng hợp, hàm Cobb-Douglas mở rộng như sau :

$$Y = T_{FP}^{\mu} L^{\alpha} K^{\beta} \quad (4)$$

Chuyển qua dạng hàm logarith:

$$\ln Y = \mu \ln T_{FP} + \alpha \ln L + \beta \ln K \quad (5)$$

Xét sự thay đổi của các biến theo thời gian t, đạo hàm phương trình (5) theo t, có được:

$$\frac{dY}{dt} * \frac{1}{Y} = \eta \left(\frac{dT_{FP}}{dt} * \frac{1}{T_{FP}} \right) + \alpha \left(\frac{dL}{dt} * \frac{1}{L} \right) + \beta \left(\frac{dK}{dt} * \frac{1}{K} \right)$$

Ứng dụng vào thực tiễn kinh tế trong khoảng thời gian từ năm thứ 0 đến năm thứ t, với những quan sát rời rạc không phải là hàm liên tục theo thời gian, phương trình trên có thể viết lại:

$$\frac{\Delta Y}{Y} = \eta \frac{\Delta T_{FP}}{T_{FP}} + \alpha \frac{\Delta L}{L} + \beta \frac{\Delta K}{K} \quad (6)$$

$$g_Y = \frac{\Delta Y}{Y} \quad \text{Tốc độ tăng trưởng GDP}$$

$$g_{TFP} = \frac{\Delta T_{FP}}{T_{FP}} \quad \text{Tốc độ tăng trưởng TFP}$$

$$g_L = \frac{\Delta L}{L} \quad \text{Tốc độ tăng trưởng L}$$

$$g_K = \frac{\Delta K}{K} \quad \text{Tốc độ tăng trưởng K}$$

Phương trình (6) được trình bày lại như sau :

$$g_Y = \eta g_{TFP} + \alpha g_L + \beta g_K \quad (7)$$

Phương trình (7) cho biết tốc độ tăng trưởng GDP hình thành từ ba yếu tố: Đóng góp của năng suất các yếu tố tổng hợp (η_{TFP}); đóng góp của yếu tố vốn (βg_K); đóng góp của yếu tố lao động (αg_L). Tổng của ba yếu tố này phải bằng g_Y .

Các yếu tố Y , L , K , α , β đo lường trực tiếp, TFP đo lường gián tiếp từ phương trình (7):

$$\eta_{TFP} = g_Y - (\alpha g_L + \beta g_K)$$

3.2. Thu thập và ước lượng dữ liệu

Phân tích mô hình tăng trưởng tỉnh Khánh Hòa yêu cầu dữ liệu về GDP, vốn (K), lao động (L). Các dữ liệu này được thu thập từ các nguồn thống kê chính thức giai đoạn 1997–2012 cụ thể:

- GDP tỉnh Khánh Hòa theo giá so sánh năm 1994 được thu thập chủ yếu từ Cục Thống kê tỉnh Khánh Hòa thông qua các niên giám thống kê.

- Lao động: Số lượng lao động đang làm việc trong nền kinh tế tỉnh Khánh Hòa được thu thập chủ yếu từ Cục Thống kê tỉnh Khánh Hòa thông qua các niên giám thống kê.

- Vốn: Vốn được sử dụng trong phân tích là trữ lượng vốn chứ không phải là vốn đầu tư hàng năm. Đây là chỉ tiêu thể hiện lượng vốn được sử dụng thực tế trong nền kinh tế. Hiện nay, trong tất cả các nguồn thống kê của tỉnh Khánh Hòa đều không có các số liệu về vốn. Vì vậy, trong nghiên cứu này tác giả ước lượng vốn (K) theo vốn đầu tư (I) với giá so sánh năm 1994. Dữ liệu vốn đầu tư (I) thu thập được từ Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa. Vốn (K) được ước lượng bằng công thức sau:

$$K_t = K_{t-1} + \Delta K$$

$$\text{với } \Delta K = I_t - (d * K_{t-1})$$

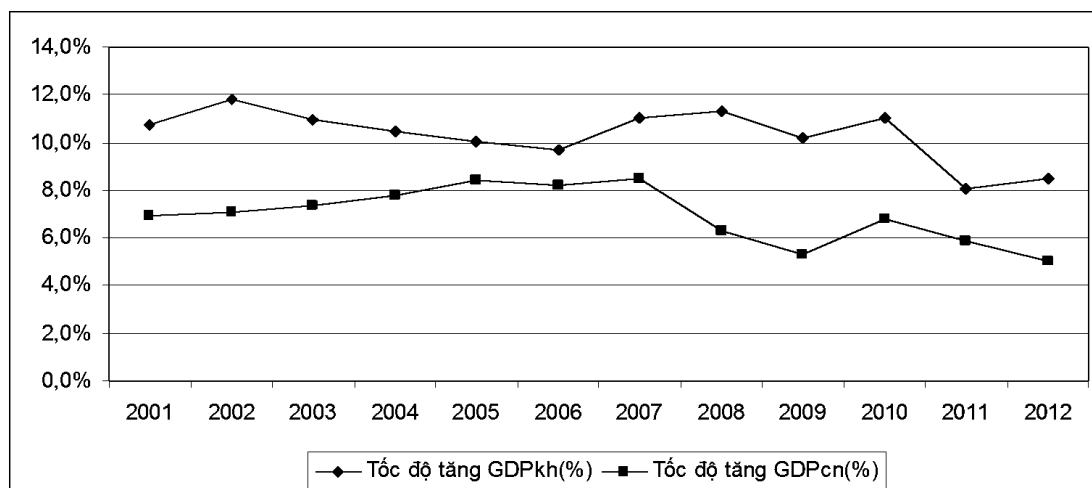
Với, K_t là trữ lượng vốn và I_t là vốn đầu tư năm t của Khánh Hòa, K_{t-1} là vốn năm trước. d là tỉ lệ khấu hao.

Yếu tố I cho thấy trữ lượng vốn tăng lên hằng năm bằng giá trị đầu tư mới của năm đó. $(-d * K)$ là trữ lượng vốn giảm xuống mỗi năm do khấu hao vốn hiện tại. Tỉ lệ khấu hao là 5% (Le Thanh Nghiep, 2000).

4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1. Đánh giá tình hình tăng trưởng kinh tế tỉnh Khánh Hòa

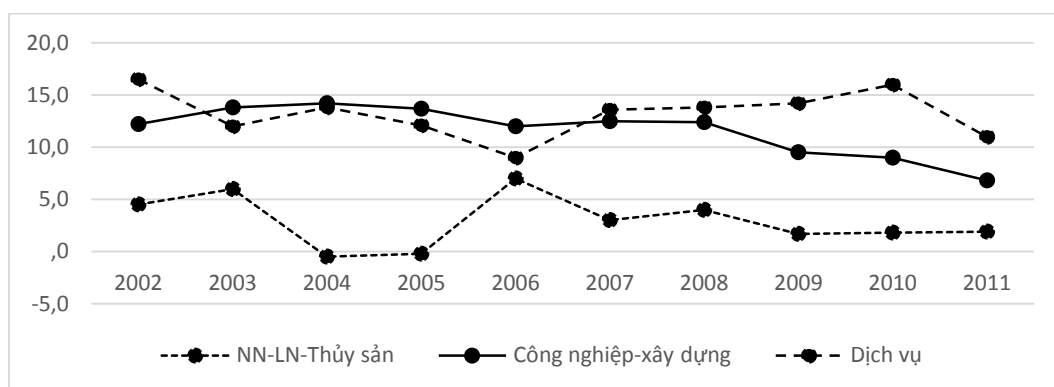
Cùng với tình hình kinh tế chung của cả nước, tỉnh Khánh Hòa cũng gặp rất nhiều khó khăn. Mặc dù vậy, Khánh Hòa không ngừng nỗ lực, phấn đấu vươn lên, phát huy các tiềm năng, thế mạnh của tỉnh để đạt được những thành tựu trong phát triển kinh tế-xã hội. Tuy không đạt chỉ tiêu tăng trưởng GDP theo quy hoạch, song Khánh Hòa vẫn luôn duy trì được tốc độ tăng trưởng cao, là một trong 10 tỉnh dẫn đầu cả nước về tốc độ tăng trưởng kinh tế, là một trong những tỉnh có nền kinh tế phát triển nhanh của VN.



Hình 1. Tốc độ tăng trưởng GDP của tỉnh Khánh Hòa

Nguồn: Niên giám thống kê Khánh Hòa 2012 và website Tổng cục Thống kê

Giai đoạn 2001–2005, tăng trưởng kinh tế bình quân đạt 11%/năm, cao hơn mức bình quân cả nước (7,1-7,2%), trong đó công nghiệp-xây dựng tăng 11,8%, nông-lâm-ngư nghiệp tăng 5,9%, dịch vụ tăng 10,2%. GDP của tỉnh Khánh Hòa năm 2005 (GDP_{KH}, theo giá so sánh 1994) đạt 7.429 tỉ đồng. Thu nhập bình quân đầu người tính theo GDP giá thực tế đạt 9,9 triệu đồng/năm. Giai đoạn 2006–2010, kinh tế tiếp tục tăng trưởng với nhịp độ tương đối cao, bình quân đạt 10,6%/năm, cao hơn mức bình quân cả nước, trong đó công nghiệp-xây dựng tăng 11,5%, nông-lâm-ngư nghiệp tăng 3,2%, dịch vụ-du lịch tăng 12,9%. Năm 2011 và 2012, tốc độ tăng có giảm so với năm 2010 tương ứng tăng 8,05% cho năm 2011 và 8,49% cho năm 2012.



Hình 2. Tốc độ tăng trưởng kinh tế các ngành của Khánh Hòa

Nguồn: Niên giám thống kê Khánh Hòa 2012

Số liệu tốc độ tăng trưởng kinh tế các ngành của Khánh Hòa trong giai đoạn 2002 – 2011 (Hình 2) cho thấy các ngành dịch vụ-du lịch và công nghiệp-xây dựng tăng trưởng với tốc độ cao, còn các ngành nông-lâm-thủy sản có tốc độ tăng trưởng thấp. Điều này chứng tỏ có xu hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ các ngành nông-lâm-thủy sản sang các ngành dịch vụ và công nghiệp-xây dựng.

4.2. Ảnh hưởng và đóng góp của năng suất các yếu tố tổng hợp

TFP là chỉ tiêu đo lường năng suất của đồng thời cả lao động và vốn trong một hoạt động cụ thể hay cho cả nền kinh tế. TFP phản ánh sự tiến bộ của khoa học, kỹ thuật và công nghệ. Qua đó sự gia tăng đầu ra không chỉ phụ thuộc vào tăng thêm về số lượng của đầu vào mà còn tùy thuộc vào chất lượng các yếu tố đầu vào là lao động và vốn. Do đó, trước khi phân tích TFP nên phân tích vốn và lao động.

Bảng 1

Đóng góp của vốn, lao động, TFP vào tốc độ tăng trưởng GDP của tỉnh Khánh Hòa

STT	Năm	Tốc độ tăng trưởng GDP (g_Y)	Đóng góp của các yếu tố			Tỉ trọng đóng góp của các yếu tố (%)			
			η_{TFP}	βg_K	αg_L	GDP	TFP	K	L
1	1998	7,73	5,35	1,51	0,88	100	69,19	19,48	11,34
2	1999	5,33	2,85	1,59	0,89	100	53,54	29,82	16,64

STT	Năm	Tốc độ tăng trưởng GDP (g _Y)	Đóng góp của các yếu tố			Tỉ trọng đóng góp của các yếu tố (%)			
			ηg_{TFP}	βg_K	αg_L	GDP	TFP	K	L
3	2000	9,20	-1,40	1,83	8,78	100	-15,26	19,85	95,41
4	2001	10,78	4,74	2,60	3,44	100	43,94	24,14	31,92
5	2002	11,80	3,55	2,93	5,32	100	30,08	24,85	45,07
6	2003	10,97	-14,73	3,44	22,26	100	-134,31	31,34	202,96
7	2004	10,47	2,04	3,97	4,46	100	19,46	37,92	42,63
8	2005	10,03	3,62	4,06	2,35	100	36,14	40,44	23,42
9	2006	9,70	2,41	5,25	2,05	100	24,80	54,10	21,10
10	2007	11,00	2,16	6,57	2,27	100	19,67	59,67	20,66
11	2008	11,33	2,22	6,95	2,16	100	19,58	61,33	19,09
12	2009	10,20	0,94	8,53	0,73	100	9,23	83,64	7,13
13	2010	11,00	-2,75	9,38	4,37	100	-25,04	85,28	39,76
14	2011	8,05	-1,50	7,91	1,64	100	-18,68	98,27	20,41
15	2012	8,49	1,66	7,31	-0,48	100	19,49	86,12	-5,61

Ghi chú: Áp dụng (7) với $\beta = 0,677$ và $\alpha = 0,758$ ta tính được ηg_{TFP} , αg_L , βg_K

Nguồn: Tính toán của tác giả

4.2.1. Năng suất vốn

Từ số liệu Bảng 1, có thể thấy mức đóng góp của vốn luôn chiếm tỉ trọng lớn vào tăng trưởng GDP tỉnh và có xu hướng tăng dần. Nghĩa là vốn đóng vai trò chủ yếu trong quá trình tăng trưởng kinh tế của tỉnh. Như vậy, việc huy động vốn của Khánh Hòa rất tốt. Cụ thể, từ Bảng 2 cho thấy năm 2001 tổng vốn đầu tư toàn xã hội đạt 2.126 tỉ đồng, đến năm 2005 đạt 3.981 tỉ đồng, đến năm 2010 đạt 15.524 tỉ đồng và năm 2011 đạt 18.201 tỉ đồng. Tuy nhiên, chỉ số ICOR, chỉ tiêu phản ánh hiệu quả đầu tư và thường được tính cho từng giai đoạn, thể hiện hiệu quả đầu tư thấp, trung bình giai đoạn 2001–2004 là 2,96, giai đoạn 2005–2008 là 3,55 và giai đoạn 2008–2011 là 5,9. Điều này chứng tỏ trong giai đoạn nghiên cứu, việc thu hút vốn đầu tư tại Khánh Hòa là rất tốt, nhưng hiệu quả đầu tư thấp và có xu hướng ngày càng thấp.

Bảng 2**Vốn đầu tư và ICOR của tỉnh Khánh Hòa**

Năm	2001	2002	2003	2004	2005	2006	2007	2008	2009	2010	2011
Vốn đầu tư (tỉ)	2.126	2.404	2.895	3.546	3.981	5.176	6.819	8.480	11.515	15.542	18.201
ICOR	2,83	2,78	2,94	3,15	3,41	3,44	3,47	3,86	4,46	4,94	7,55

Nguồn: Tính toán của tác giả - theo số liệu Sở Kế hoạch và Đầu tư

4.2.2. Năng suất lao động

Bảng 1 cũng cho thấy mức đóng góp của lao động chiếm tỉ trọng cao vào tăng trưởng kinh tế nhưng không ổn định. Không ổn định vì: (1) Năm 2000 và 2003 tăng đột biến, tương ứng 95,4% và 202,9%, do các doanh nghiệp ở khu công nghiệp Suối Dầu và nhà máy đóng tàu Hyundai-Vinashin bắt đầu đi vào hoạt động nên thu hút một số lượng lớn lao động trong và ngoài tỉnh; và (2) Năm 2012 tỉ trọng đóng góp của lao động thấp (-5,6%) do tác động của khủng hoảng kinh tế nên nhiều doanh nghiệp chế biến thủy sản và nhà máy đóng tàu Hyundai-Vinashin giảm biên chế do không có đơn hàng.

Bảng 3**Lao động, năng suất lao động và tốc độ tăng NSLĐ tỉnh Khánh Hòa**

Năm	Số lượng lao động (người)	GDP Khánh Hòa (triệu đồng)	Năng suất lao động (triệu đồng/người)	Tốc độ tăng NSLĐ (%)
(1)	(2)	(3)	(4) =(3)/(2)	(5)
1997	299.244	3.588.616	12,13	
1998	299.244	3.866.016	12,92	6%
1999	302.745	4.072.075	13,45	4%
2000	337.803	4.446.706	13,16	-2%
2001	353.142	4.926.154	13,95	6%
2002	377.923	5.507.529	14,57	4%
2003	488.930	6.111.691	12,50	-14%
2004	517.728	6.751.781	13,04	4%

Năm	Số lượng lao động (người)	GDP Khánh Hòa (triệu đồng)	Năng suất lao động (triệu đồng/người)	Tốc độ tăng NSLĐ (%)
(1)	(2)	(3)	(4) =(3)/(2)	(5)
2005	533.767	7.428.810	13,92	7%
2006	548.179	8.149.435	14,87	7%
2007	564.624	9.046.211	16,02	8%
2008	580.737	10.071.309	17,34	8%
2009	586.313	11.098.739	18,93	9%
2010	620.134	12.319.246	19,87	5%
2011	633.580	13.311.322	21,01	6%
2012	629.600	14.442.000	22,94	9%

Nguồn: Tính toán của tác giả - Niên giám thống kê Khánh Hòa 2012

Bảng 3 cho thấy số lượng lao động tăng theo từng năm nhưng năng suất lao động không tăng. Điều này chứng tỏ số lượng lao động tăng nhưng chất lượng lao động không tăng và năng suất lao động chưa được cải thiện và quan tâm.

4.2.3. Phân tích và đánh giá chỉ tiêu TFP

Phân tích trên cho thấy năng suất vốn và lao động tại Khánh Hòa thấp. Tiếp theo, ta phân tích và đánh giá chỉ tiêu TFP. Bảng 1 thể hiện đóng góp của TFP thấp và không ổn định, thậm chí có năm còn âm. Trung bình TFP của trong giai đoạn 1998–2002 khá cao, chiếm 33,64%. Tuy nhiên, trung bình những năm sau TFP âm, cụ thể: Giai đoạn 2003–2007 là -7,09% và 2008–2012 là -8,07%. Chỉ số TFP cho thấy trong vòng 10 năm gần đây, tỉnh Khánh Hòa chưa khai thác hiệu quả các nguồn lực. Tài sản vốn hình thành trong quá trình đầu tư chưa được sử dụng một cách tối đa vào quá trình tạo ra giá trị gia tăng qua đó ảnh hưởng đến năng suất lao động. Điều này chứng minh thực trạng các doanh nghiệp sử dụng vốn và lao động không hiệu quả và sự kết hợp của hai yếu tố này cũng chưa hiệu quả. Đây là thực trạng chung của nền kinh tế VN thời kỳ sau đổi mới vì đóng góp của TFP vào tăng trưởng GDP của VN giai đoạn 2005–2010 là -6% (Asian Productivity Organization, 2012) và một số nghiên cứu tại các tỉnh khác cũng tương tự như Huế, Đà Nẵng, Hưng Yên, Cần Thơ cũng cho thấy đóng góp của TFP rất hạn chế. Yếu tố chính đóng góp vào quá trình tăng trưởng luôn là yếu tố vốn.

5. Kết luận và gợi ý giải pháp

Nghiên cứu cho thấy việc thu hút vốn đầu tư và lao động tại các doanh nghiệp nói riêng và tỉnh Khánh Hòa là rất tốt nhưng hiệu quả sử dụng vốn và năng suất lao động thấp dẫn đến chỉ tiêu TFP thấp và có chiều hướng giảm. Để phát triển kinh tế bền vững các doanh nghiệp cần tập trung nâng cao tỉ trọng đóng góp của TFP. Đối với các doanh nghiệp hiện tại, cần phải tái cấu trúc doanh nghiệp. Đối với việc thu hút các doanh nghiệp đầu tư mới cần phải có sự chọn lọc những doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực có hàm lượng công nghệ cao. Đối với vai trò của tỉnh cần cải thiện môi trường kinh doanh tốt để hỗ trợ các doanh nghiệp phát triển.

Để nâng cao tỉ trọng đóng góp của TFP nhằm phát triển bền vững tại Khánh Hòa, tác giả gợi ý một số giải pháp cụ thể sau:

Về mặt nhận thức: Lãnh đạo cần phải thay đổi tư duy về tăng trưởng. Tăng trưởng cần dựa trên nền tảng chất lượng hơn số lượng. Trong dài hạn, cần thay đổi tư duy tăng trưởng nên dựa vào tri thức và công nghệ, dựa vào TFP.

Tái cấu trúc doanh nghiệp: Đối với các doanh nghiệp hiện nay cần đẩy mạnh công tác tái cấu trúc để nâng cao tỉ trọng đóng góp của TFP, cụ thể: (1) Tái cấu trúc các nguồn lực, chuyển dịch nguồn lực từ khu vực có năng suất thấp sang khu vực có năng suất cao và tập trung đầu tư vào các lĩnh vực có hiệu quả cao; (2) Tái cấu trúc hệ thống doanh nghiệp, đẩy mạnh công tác cổ phần hóa; mua bán hay sáp nhập các doanh nghiệp kém hiệu quả; đổi mới công tác quản lý và tổ chức sản xuất bằng cách áp dụng các công cụ quản lý hiện đại trên thế giới hiện nay cho doanh nghiệp như: Công cụ quản lý lãng phí (7W), mô hình Kaizen của Nhật (5S), hệ thống quản lý chất lượng ISO, TQM, v.v.; và (3) Tái cấu trúc thị trường, tập trung vào những thị trường có tiềm năng tạo ra giá trị gia tăng cao.

Tăng cường đổi mới công nghệ: (1) Nhập công nghệ từ bên ngoài; (2) Khuyến khích các doanh nghiệp tự nghiên cứu cải tiến; (3) Khuyến khích cá nhân dành nguồn lực cho công nghệ; (4) Hệ thống đăng ký sáng chế, phát minh dành độc quyền tạm thời cho người phát minh ra sản phẩm mới; và (5) Chính phủ nên đóng vai trò then chốt trong quá trình đẩy nhanh tiến bộ công nghệ, đặc biệt là khoa học cơ bản.

Huy động vốn và sử dụng vốn đầu tư: Cải thiện môi trường đầu tư, thu hút mạnh nguồn vốn đầu tư nước ngoài, vốn đầu tư từ Việt kiều; khuyến khích các doanh nghiệp vừa và nhỏ, cá nhân; đẩy mạnh công tác cổ phần hoá, thoái vốn các ngành nghề công

ty kém hiệu quả; quản lý tốt việc sử dụng vốn; tái cơ cấu nguồn vốn và quản lý hiệu quả; điều chỉnh công tác thu hút và khuyến khích đầu tư có chọn lựa các lĩnh vực ngành nghề có hàm lượng công nghệ cao như: Điện tử, viễn thông, công nghệ thông tin, giáo dục đào tạo, công nghệ sinh học, công nghệ nano, bán dẫn, thời trang...

Giải pháp phát triển nguồn nhân lực: Đào tạo theo nhu cầu thực tế của các doanh nghiệp; liên kết đào tạo giữa doanh nghiệp và nhà trường; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tại chỗ; nâng cao chất lượng trong công tác tuyển dụng nhân sự; thu hút nhân tài và sử dụng nhân tài hiệu quả.

Giải pháp cải thiện môi trường kinh doanh cho doanh nghiệp: Cần hoàn thiện, sửa đổi, bổ sung và thực hiện tốt các tiêu chí để cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, lưu ý một số việc như công khai thông tin về các quy hoạch, dự án,... để các doanh nghiệp dễ tiếp cận; củng cố các đầu mối tiếp nhận và tham mưu giải quyết các nhu cầu nhà đầu tư nhanh chóng, kịp thời.

6. Những hạn chế trong quá trình thực hiện

Mặc dù kết quả nghiên cứu có những ý nghĩa nhất định nhưng vẫn còn một số hạn chế: (1) Do thiếu số liệu về trữ lượng vốn (K) nên tác giả phải thực hiện các ước lượng có thể dẫn đến giảm độ tin cậy trong các tính toán; và (2) Dữ liệu thu thập được để chạy hồi quy còn ngắn (16 năm) nên phương trình hồi quy sẽ có khiếm khuyết. Do đó, để nghiên cứu đạt kết quả cao cần có số liệu đầy đủ hơn, thu thập với khoảng thời gian lớn hơn và nghiên cứu đánh giá TFP cho từng ngành nghề kinh tế■

Tài liệu tham khảo

- Asian Productivity Organization (2012). *APO Productivity Databook 2012*. ISBN 978-92-833-2433-1.
- Cục Thống kê Khánh Hòa (2012). *Niên giám thống kê 2012*. Xi nghiệp in Thống kê TP. Hồ Chí Minh.
- Đình Phi Hồ. (2012). *Phương pháp nghiên cứu định lượng & những nghiên cứu thực tiễn trong kinh tế phát triển - nông nghiệp*. NXB Phương Đông.
- Le Thanh Nghiep & Le Huu Quy. (2000). Measuring the impact of Doi Moi on Vietnam's gross domestic product. *Asian Economic journal*, 14(3).
- Nguyễn Quang Hiệp. (2013). Các nguồn tăng trưởng kinh tế của tỉnh Hưng Yên. *Tạp chí Phát triển kinh tế*, 275, 28-39.
- Phan Nguyễn Khánh Long. (2012). Đánh giá tăng trưởng kinh tế của tỉnh Thừa Thiên-Huế dưới góc độ năng suất các nhân tố sản xuất. *Tạp chí Khoa học*, Đại học Huế, tập 72B, số 3.

- Trung tâm Năng suất Việt Nam. (2009). Báo cáo nghiên cứu chỉ tiêu năng suất Việt Nam 2006–2007.
- Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế trung ương. (2010). Nâng cao tỉ trọng và tác dụng của năng suất nhân tố tổng hợp, chuyên đề phát triển bền vững.
- Võ Thành Danh & Đặng Hoàng Thống. (2011). Phân tích các yếu tố tác động đến tăng trưởng của thành phố Cần Thơ: Cách tiếp cận tổng năng suất các yếu tố. *Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ*, 17, 120-129.